FireAnt

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

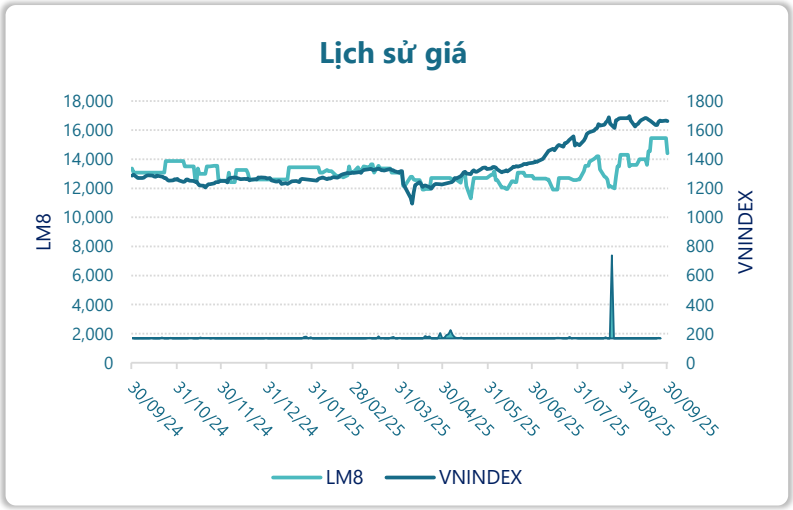

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,304
SL cổ phiếu LH	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,895
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	135
P/E	7.9
EPS	1,821

DT thuần

Q3/25

469

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 161| 52.1%

YoY: ▲ 50.0| 11.8%

LN sau thuế

Q3/25

6.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 2609%

YoY: ▲ 2.30| 58.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.5%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2025

1,192

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 113| 10.5%

LN sau thuế

9T 2025

12.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.70| 6.3%

ROE

Q3/25

5.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh

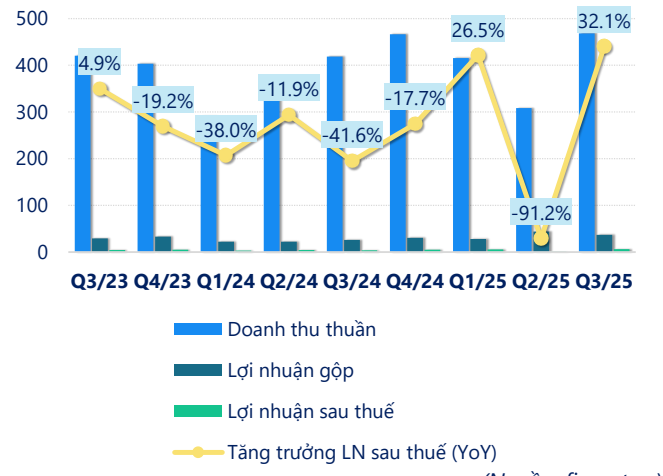

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

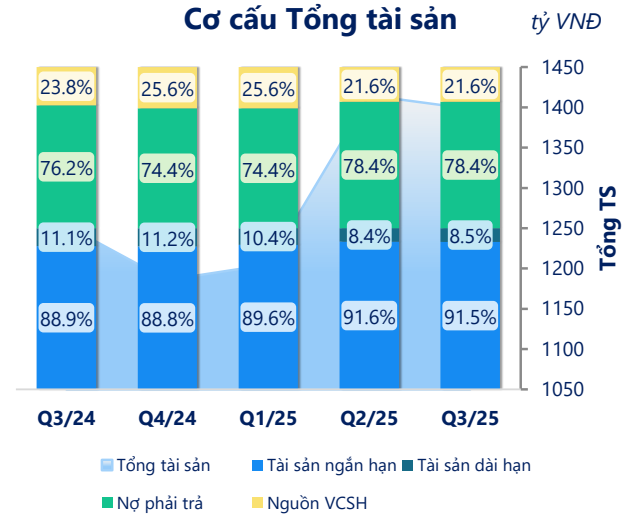

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

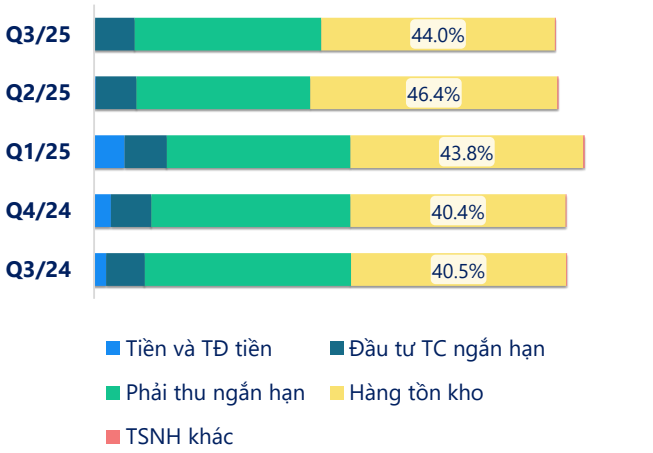

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

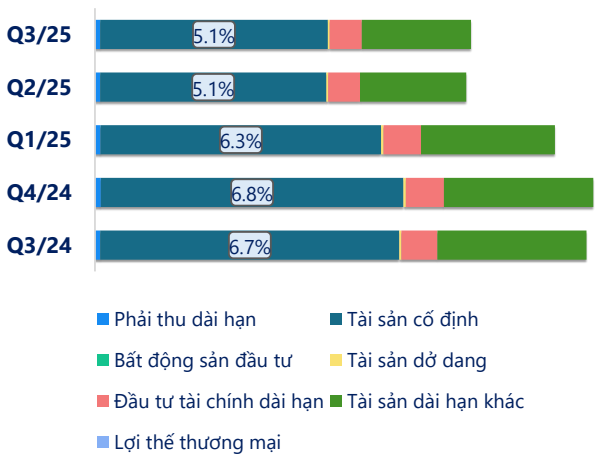

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

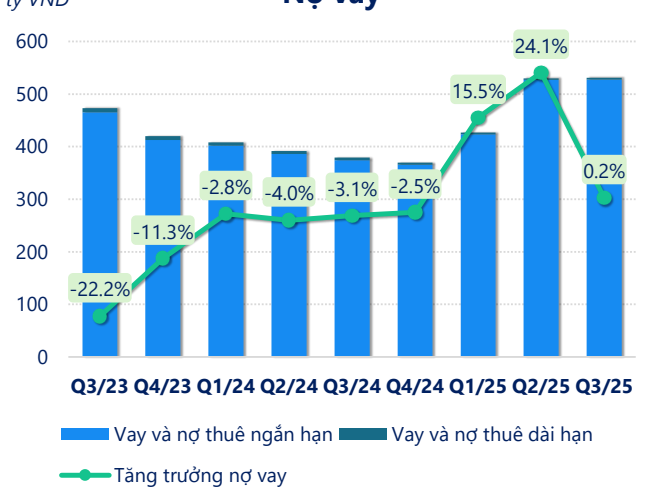

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

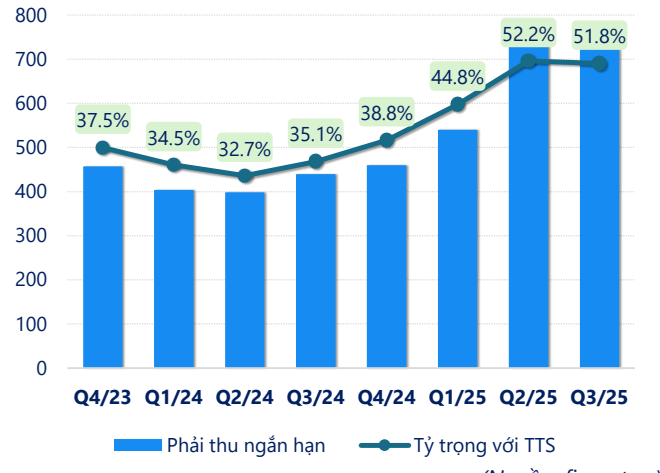

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

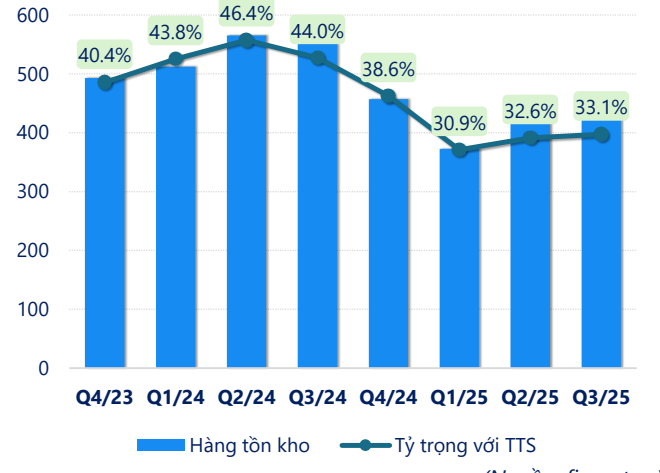

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

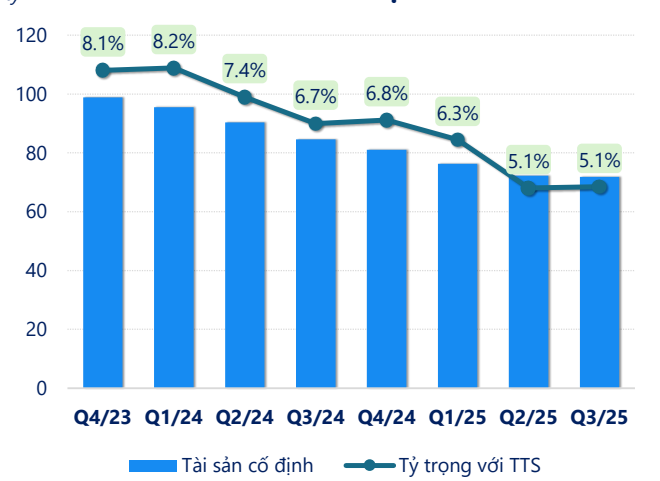

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

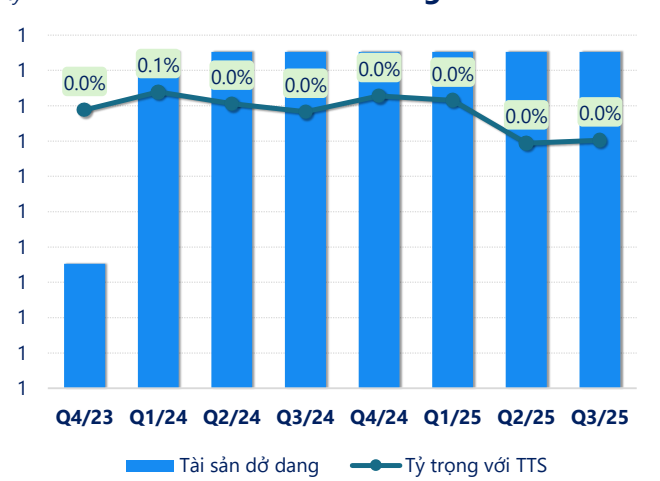

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

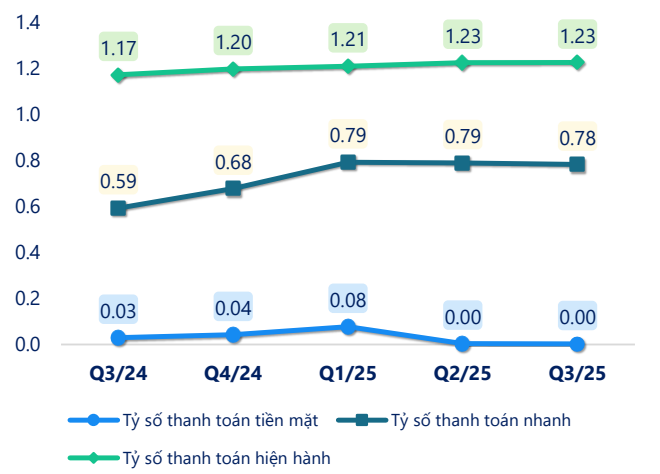

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

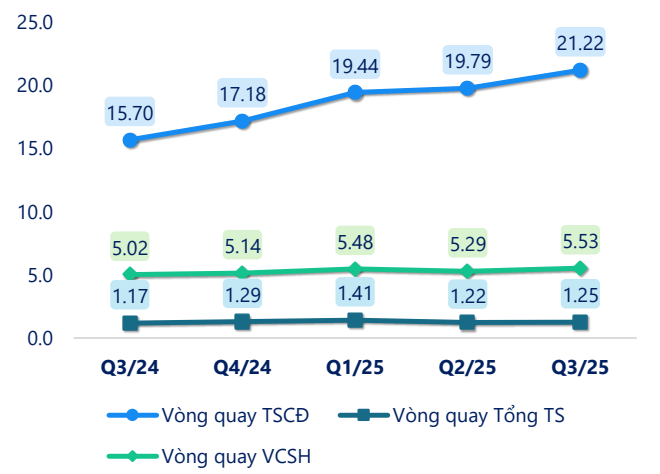

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,253**	**1,186**	**1,205**	**1,415**	**1,398**
Tài sản ngắn hạn	**1,114**	**1,052**	**1,080**	**1,296**	**1,279**
Tiền và tương đương tiền	28.5	37.1	69.1	4.70	2.74
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.0	93.0	93.0	88.1	88.1
Phải thu ngắn hạn	440	459	540	739	724
Hàng tồn kho	551	457	373	461	463
Tài sản ngắn hạn khác	2.14	5.55	5.30	3.49	2.12
Tài sản dài hạn	**139**	**133**	**125**	**119**	**119**
Phải thu dài hạn	1.52	1.52	1.52	1.64	1.64
Tài sản cố định	84.6	81.1	76.3	72.2	71.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	10.2	10.2	10.2	10.2
Tài sản dài hạn khác	42.1	40.0	36.4	33.9	34.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**955**	**883**	**896**	**1,110**	**1,096**
Nợ ngắn hạn	**950**	**878**	**893**	**1,058**	**1,044**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	374	365	423	527	528
Phải trả người bán ngắn hạn	176	171	159	170	177
Nợ dài hạn	4.96	4.23	3.50	51.9	52.5
Vay và nợ thuê dài hạn	4.96	4.23	3.50	2.78	3.36
Nguồn vốn chủ sở hữu	**298**	**303**	**309**	**305**	**302**
Vốn chủ sở hữu	**298**	**303**	**309**	**305**	**302**
Vốn điều lệ	93.9	93.9	93.9	93.9	93.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)